

**Một số vấn đề**

**VỀ CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG THAN  
TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN**

NGUYỄN BÌNH và PHẠM KIM LONG

**H**IỆN nay, than là nguồn nhiên liệu chính trong công nghiệp của nước ta. Than của ta chủ yếu là loại antraxit, dùng thích hợp cho mục đích nhiên liệu. Song việc sử dụng than trong mấy chục năm qua còn chưa hợp lý, từ đó dẫn đến những lãng phí lớn.

Hai ngành tiêu thụ than lớn ở nước ta hiện nay là : điện lực và vật liệu xây dựng.

Ngành điện lực là hộ tiêu thụ than lớn, nhu cầu than tiêu thụ tập trung, với hiệu suất sử dụng cao.

Ngành vật liệu xây dựng là hộ tiêu thụ than lớn nhất từ trước đến nay. Song các cơ sở vật liệu xây dựng bố trí rất phân tán, rải mỏng trong toàn quốc; việc sử dụng than còn đạt hiệu suất thấp.

Suốt hơn 20 năm qua, trải qua nhiều biến đổi to lớn của nền kinh tế quốc dân, trong những năm chiến tranh ác liệt, các ngành khai thác, chế biến, vận tải và phân phối vẫn bảo đảm cung cấp than tạm đủ cho các ngành tiêu thụ, đó là thành tích lớn.

Tuy nhiên, ở giai đoạn mới của cách mạng nước ta, ta thấy còn một số tồn tại sau đây :

Tình hình khai thác còn tăng chậm sản lượng, còn để tồn thất tài nguyên nhiều. Khâu bảo quản và phân phối còn ít chú ý đến yêu cầu chất lượng than. Bến bãi chuyên dùng còn tạm bợ, lạc hậu, ảnh hưởng tới việc bảo đảm chất lượng loại than từ mỏ đưa tới nơi tiêu thụ. Khâu bốc rót và giao thông vận tải còn rất bị động. Ngành chế biến than còn yếu. Ngành luyện cốc từ than antraxit phát triển chậm. Than dân dụng chế biến còn kém, chưa có tác dụng cải thiện đời sống của nhân dân. Tỷ lệ tồn thất than từ khâu đầu đến khâu cuối trong công tác vận tải, phân phối, bảo quản và sử dụng còn rất cao. Các thiết bị và dây truyền trong nhà máy có hệ số sử dụng

quá thấp. Bẩn than xỉ nghiệp và thiết bị ta dùng đã lạc hậu, nhưng khâu quản lý kỹ thuật, kinh tế của ta cũng yếu, nên dẫn đến tồn thất về than, về nhiệt, về điện và về hơi rất lớn.

Việc bố trí thiết bị sử dụng than cũng còn chưa hợp lý. Hiện nay nhiều nhà máy của các ngành đều có khuynh hướng chung là xin lò hơi, lò đốt riêng. Đó cũng là một xu hướng không tốt cho việc tiết kiệm than. Trong ngành điện, do công tác phân bố lực lượng sản xuất trong toàn quốc của Nhà nước chưa được nghiên cứu kỹ, nên việc quy hoạch điện chưa hề đề cập đến việc sử dụng các loại tuabin trích hơi và các trung tâm sản xuất tổng hợp nhiệt và điện. Việc sử dụng tổng hợp năng lượng chưa được nghiên cứu, nên hiệu suất sử dụng tổng hợp than của ta còn rất thấp. Than có nhiệt trị 3 500-4 000 Kcal/kg đã được coi là than « hạ cấp » ! trong khi thế giới có những nhà máy nhiệt điện sử dụng than với nhiệt trị thấp hơn nhiều. Khái niệm « tài nguyên khoáng sản » là một khái niệm động. Phải tăng cường nhiều hơn nữa công tác khoa học kỹ thuật, đề cho khuynh hướng đó « động về phía tăng lên ». Tất cả những điều kể trên, Bộ Điện và Than đã nêu lên nhiều lần cho các ngành các cấp trong Bộ và đề nghị với các khách hàng, các hộ tiêu thụ lưu ý tìm các biện pháp giải quyết, nhưng cho đến nay sự chuyển biến còn chậm.

Nhu cầu than tới năm 1980, theo chỉ tiêu Nhà nước mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã thông qua : 10 triệu tấn than sạch ; dành cho xuất khẩu hai triệu tấn, còn 8 triệu tấn cung cấp cho nội địa. Thực tế nhu cầu tới năm 1980 của các ngành kinh tế trong nước sẽ vượt quá con số 8 triệu tấn. Nếu không có hướng giải quyết tốt, sẽ có

biện tượng thiếu than trong các năm kế hoạch sau này.

Nhưng đây cũng chỉ mới là con số tổng thể. Điều không kém phần quan trọng của công việc muốn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước, còn cần phải kể đến việc, sao cho bảo đảm được khối lượng từng loại than, phẩm chất từng loại than cho phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của các ngành kinh tế quốc dân trong nước.

Tốc độ phát triển nhanh của công nghiệp trong những năm tới là hướng đi tất yếu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, và cũng chính do vậy, nhu cầu than cho công nghiệp cũng chiếm một khối lượng rất lớn. Chỉ tính riêng một số ngành: điện lực, gang thép, vật liệu xây dựng, ước tính khối lượng than cần tiêu thụ đã lên tới:

- 1980: gấp hơn 3 lần khối lượng tiêu thụ trong năm 1975.

- 1985: gấp hơn 7 lần khối lượng tiêu thụ trong năm 1975.

Trong tương lai có hàng nghìn thiết bị lò đốt, sấy, nung v.v., các kiểu. Để đáp ứng nhu cầu của các loại thiết bị đốt đó, than cung cấp phải có chất lượng và cỡ hạt tương ứng, phù hợp với thiết kế kỹ thuật, nếu không sẽ có nhiều lãng phí lớn.

Việc sử dụng than trong các năm tới phải dựa trên những yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Các hộ tiêu thụ than phải căn cứ vào các đặc tính kỹ thuật của thiết bị lò đốt, các yêu cầu phẩm chất của những sản phẩm sản xuất ra, mà có kế hoạch dự trữ than cho sản xuất một cách phù hợp, và phải có kế hoạch bảo quản phẩm chất than từ nơi nhận về đến cơ sở mình tiêu dùng.

2. Các ngành, các cấp có quản lý các hộ sử dụng than phải căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của ngành mình mà lựa chọn những thiết bị đốt than tiên tiến; đồng thời phải căn cứ trên tình hình sản xuất than thực tế ở nước ta mà có những phương hướng phát triển sản xuất của ngành cho phù hợp.

Các ngành, các cơ sở tiêu dùng than có kế hoạch mở rộng sản xuất, cần nghiên cứu trang bị mới các loại lò hơi có công suất lớn.

Với các thiết bị lò hơi có công suất cao sẽ cho phép sử dụng các loại than nhiệt năng thấp mà vẫn kinh tế, định mức tiêu thụ than được hạ thấp, góp phần giảm chi phí về sản xuất của các nhà máy.

Mặt khác cần nghiên cứu loại bỏ dần những lò hơi quá cũ, có công suất nhỏ, đốt tiêu tốn than, không kinh tế.

3. Công tác định mức, tiêu thụ từng loại than cho từng loại hộ cần được gấp rút nghiên cứu và sớm ban hành được các quy

định về sử dụng các loại than. Định mức là một loại công tác khoa học rất nghiêm túc, công phu, nhưng cũng không nên cầu toàn ngay. Vừa ban hành, vừa hoàn chỉnh dần để tạo điều kiện cho công tác kế hoạch sản xuất và tiêu thụ tiến dần từng bước.

4. Ở các khu công nghiệp tập trung nhiều nhà máy kề cận nhau, cần nghiên cứu việc xây dựng một trung tâm cung cấp hơi lớn cho cả khu.

Hiện nay, các cơ sở sản xuất chưa chú ý đến nhu cầu tiêu dùng một cách đúng mức, như: sản xuất thừa nhiều loại mà ngành tiêu dùng ít sử dụng; ngược lại, một số loại than cần dùng thích hợp cho các hộ sử dụng thì lại thiếu.

Trước mắt, trong 1 đến 2 kế hoạch 5 năm tới, nhiệm vụ của than trong nước sẽ rất nặng nề:

- Gánh vai trò quyết định về nhiên liệu ở các tỉnh phía bắc và từng bước thay thế một phần nhiên liệu dầu ở các tỉnh phía nam.

- Là một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của cả nước.

Tương lai, cần đi đến sự quy định loại than cố định dùng cho từng cơ sở sử dụng. Hàng năm, các ngành cần có kế hoạch dự trữ tiêu thụ than cho ngành, cân đối với chỉ tiêu sản phẩm của ngành đã được Nhà nước giao. Cơ quan tổng hợp có trách nhiệm duyệt các kế hoạch đó để cân đối với khả năng sản xuất than của các xí nghiệp khai thác và tuyển rửa than trong toàn quốc, và giao chỉ tiêu sản xuất chính thức cho từng xí nghiệp than (loại than và khối lượng từng loại than). Các xí nghiệp sản xuất than phải sản xuất theo những yêu cầu của các ngành kinh tế quốc dân về loại than, khối lượng từng loại than mà tổng nhu cầu các ngành kinh tế cần sử dụng.

Xét vai trò của than không chỉ chú ý tới nhu cầu trong nước, mà còn phải xem xét tới thị trường tiêu thụ trên thế giới. Thế giới hiện nay đang đánh giá lại vai trò của than. Than antraxit Quảng-ninh trở thành một mặt hàng quý trong cả vùng Đông nam Á. Do đó vai trò của than ta không phải chỉ hạn chế ở phạm vi trong nước, mà nhờ phẩm chất độc đáo, qua chế biến, than ta ngày càng có vai trò quan trọng.

Muốn nâng cao giá trị kinh tế của nguồn than antraxit to lớn của ta chỉ có thông qua con đường chế biến than, trong thời gian tới, cần xây dựng một ngành chế biến than hoàn chỉnh. Những lĩnh vực chính trong chính sách mở rộng ngành chế biến than là:

1. Nghiên cứu luyện cốc từ than gầy.
2. Xây dựng ngành sản xuất điện cực.
3. Nghiên cứu chế biến than nhiệt lượng thấp.

4. Phát triển lĩnh vực sản xuất than đóng bánh dân dụng.

5. Đẩy mạnh chế biến than luyện.

6. Chú trọng công tác khí hóa than.

Phần đầu trong kế hoạch 5 năm, xây dựng một số các cơ sở chế biến than đóng bánh quả bàng, tổ ong; bước đầu đáp ứng nhu cầu của các thành phố lớn và một số huyện nông - công nghiệp trọng điểm; tiến tới xây dựng ở mỗi đơn vị hành chính cấp huyện và tương đương, có một cơ sở chế biến than đóng bánh quả bàng, tổ ong để phục vụ cho nhu cầu trong phạm vi huyện. Trong một - hai kế hoạch 5 năm tới, cần xây dựng các nhà máy luyện cốc từ than trong nước, để có thể tự lực đáp ứng nhu cầu than cốc dùng trong nước.

Ở hội nghị nông nghiệp đồng bằng và trung du tháng 8-1974, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói « quá trình đưa sản xuất nông nghiệp từ nhỏ lên lớn là quá trình trang bị kỹ thuật đối với nông nghiệp, quá trình sử dụng những thành quả của công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp nặng vào nông nghiệp... ». Thực vậy, trong sự phát triển quy mô lớn của nông nghiệp thì nhu cầu về than khá lớn. Nông nghiệp cần than một cách trực tiếp và gián tiếp. Điện năng, phân bón là sản phẩm trong đó than là nhiên liệu. Còn hàng loạt khâu nông nghiệp mới nảy sinh sẽ sử dụng than làm nhiên liệu trực tiếp.

Trong những năm tới, ta sẽ phát triển mạnh trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông, lâm sản và thủy sản, có nhiều vùng kinh tế mới với những sản lượng nông phẩm lớn. Việc đưa than vào phục vụ nông nghiệp là điều rất cần thiết để bảo quản và phát huy thành quả to lớn của nông nghiệp. Nhưng ta cũng cần

phải nghiên cứu sử dụng hợp lý và tiết kiệm than trong lĩnh vực này.

Trong những năm tới, theo dự kiến quy hoạch nông nghiệp, sẽ có rất nhiều lò sấy, lò nung, lò hấp loại thủ công cho các ngành chế biến thức ăn gia súc, phục vụ dân dụng, sản xuất vôi bón ruộng, lò sấy chè thủ công, sấy thuốc lá, tơ tằm, cơ khí v.v., cùng với hàng loạt nhu cầu về làm muối, thủy sản như sấy cá, nước mắm v.v..

Sản lượng càng lên cao thì càng cần nhiều cơ sở chế biến, càng cần nhiều than để sấy nông sản và thủy sản v.v... Nhất là khi các vùng kinh tế mới đã phát triển ổn định, ta phải xây dựng các loại thiết bị lớn hơn, tiên tiến hơn, tiết kiệm được nhiều than và nâng cao được chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

Trong phát triển tương lai của nền kinh tế quốc dân, tất nhiên ta sẽ có nhiều nhà máy, xí nghiệp tiên tiến với hệ số sử dụng hữu ích nhiên liệu cao hơn. Tuy nhiên số than phục vụ cho hàng chục nghìn thiết bị thô sơ, phân tán vẫn chiếm tới gần 50% tổng số than dùng trong nước. Để có thể thực hiện được việc tiết kiệm than, vấn đề trước mắt và trọng tâm vẫn là song song với việc tăng cường khai thác với hiệu suất sản xuất cao, cần ra sức chống tổn thất trong mọi quá trình từ khai thác, vận chuyển đến sử dụng.

Cần đẩy lên một phong trào cách mạng của quần chúng tiết kiệm than để đẩy mạnh các công tác quản lý khai thác, phân phối cũng như nghiên cứu khoa học. Đồng thời cần có một cơ cấu tổ chức thích đáng, cần trước mắt tăng cường lực lượng và quyền lực cho cơ quan nghiên cứu và quản lý năng lượng của Bộ Điện và Than để cơ quan này quản lý được công tác sử dụng than một cách sâu sắc, nhạy bén và kịp thời.

# LAZE

## VÀ ỨNG DỤNG TRONG GIA CÔNG KIM LOẠI

LÊ VĂN TIẾN

**M**ÁY phát laser tử quang học (thường gọi là laze) là một phát minh lớn của khoa học kỹ thuật ở thế kỷ thứ 20 này. Nó được xây dựng trên cơ sở của những thành tựu đã đạt được về điện tử... và là

điểm gặp gỡ của ba ngành quang học, vật lý vô tuyến và cơ học lượng tử.

Về bản chất, chùm tia laze là một chùm sáng đơn sắc có bước sóng rất ngắn và có tính định hướng cao. Chính những tính chất